

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ (PGS)**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kiến trúc ; Chuyên ngành: Quy hoạch vùng và Đô thị

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ THỊ MINH PHƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 02/04/1977; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xuân Lũng Lâm Thao Phú Thọ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 22 Phố Hàng Nón, Phường Hàng Gai, Hoàn Kiếm Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng Đào tạo, U114 - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Km 10 Nguyễn Trãi Thanh Xuân Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0912911368;

E-mail: leminhphuong.dhkt@gmail.com;

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1999 đến năm 2009: Giảng viên Bộ môn Trắc địa - Khoa Kỹ thuật Hạ tầng và Môi trường Đô thị - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

- Từ 2009 đến năm 2013: Giảng viên – Phụ trách Bộ môn Trắc địa- Khoa Kỹ thuật Hạ tầng và Môi trường Đô thị - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

- Tháng 4/2013 đến năm 2014: Giảng viên – Trưởng bộ môn Trắc địa - Khoa Kỹ thuật Hạ tầng và Môi trường Đô thị - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

- Từ 2014 đến nay là Giảng viên, 2017 là Giảng viên chính – Khoa Kỹ thuật Hạ tầng và Môi trường Đô thị - Trưởng bộ môn Trắc địa; Phó trưởng phòng Đào tạo - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn, Phó trưởng phòng Đào tạo;

Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Km số 10 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội

Điện thoại: 84 4 3854 4346 ; Fax: ; Website: <http://www.hau.edu.vn>

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 02 tháng 01 năm 1999; ngành: Trắc địa; chuyên ngành: Trắc địa công trình
Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Mỏ Địa Chất - Hà Nội – Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH ngày 09 tháng 11 năm 2001; ngành: Tiếng Anh; chuyên ngành: Anh - Trung
Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư Phạm ngoại ngữ - Hà Nội – Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 31 tháng 12 năm 2004; ngành: Trắc địa; chuyên ngành: Trắc địa công trình
Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Mỏ Địa Chất - Hà Nội – Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 12 năm 2015; ngành: Địa lý; chuyên ngành: Bản đồ Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý.

Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng Diploma ngày 14 tháng 12 năm 2000, ngành: Invironment management, Nơi cấp bằng: Maastricht School of Management, Netherland.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kiến trúc;

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Xây dựng - Kiến trúc;

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Trắc địa công trình ứng dụng trong thiết kế, quy hoạch kiến trúc, quy hoạch vùng, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết;

- Ứng dụng GIS cho Kiến trúc, Quy hoạch, Xây dựng, Quản lý và các ngành nghề khác;

- Hệ thống thông tin địa lý, các chỉ số không gian đô thị, viễn thám trong Kiến trúc, Quy hoạch, Quản lý đô thị và Xây dựng;

- Trắc địa công trình ứng dụng cho dự án xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông, cấp thoát nước, quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật;

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 09 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn ThS; Trong đó 05 học viên đã được cấp bằng ThS và 04 học viên đang chờ cấp bằng ThS.

- Đã hoàn thành 05 đề tài NCKH cấp Trường; 01 đề tài nhánh của đề tài cấp tỉnh

- Đã công bố 26 bài báo khoa học, trong đó 04 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 01 sách chuyên khảo, 02 sách giáo trình tại Nhà xuất bản xây dựng;

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

- Bài báo quốc tế ISI “Toward a sustainable city of tomorrow: a hybrid Markov–Cellular Automata modeling for urban landscape evolution in the Hanoi city (Vietnam) during 1990–2030”. Received: 26 July 2017 / Accepted: 12 October 2017 Journal of Environment, Development and Sustainability, chỉ số: DOI 10.1007/s10668-017-0046-2, năm 2017.

- Bài báo quốc tế: Application of Geographic information systems (GIS) in smart cities, International Conference: “Strategies of smart city and transportation infrastructure for urban management and sustainable regional development: in response to future trend and climate change”, Construction publishing house, chỉ số: ISBN 978-604-82-2696-1, năm 2018

- Bài báo “Ứng dụng viễn thám GIS và các chỉ số không gian nghiên cứu ảnh hưởng của hệ thống giao thông đến quá trình đô thị hóa tại Hà Nội”. Kỷ yếu Hội thảo Đô thị hóa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam xu hướng đổi mới và điều kiện phát triển, Nhà xuất bản Lao động xã hội, chỉ số: ISBN 978-604-65-3962-9, năm 2019

- Sách chuyên khảo Bản đồ và Hệ thống thông tin địa lý, tác giả Lê Thị Minh Phương, nhà xuất bản Xây dựng, chỉ số ISBN: 978-604-82-2842-2, năm 2019,

- Đề tài cấp cơ sở: “Biên soạn nội dung các học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy rà soát năm 2014 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội”, Hợp đồng: 06/HĐ-ĐHKTKH.QT, năm 2015

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng năm 2017

- Bằng khen của Hội Quy hoạch phát triển Đô thị Việt Nam – Đã có thành tích hướng dẫn đồ án tốt nghiệp sinh viên đạt giải nhì chuyên ngành kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị năm 2015.

- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Xây dựng của Bộ Xây dựng năm 2016

- Liên tục nhiều năm đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

- Là Đảng viên đủ tư cách và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong nhiều năm liên tiếp.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá)

Là nữ giảng viên Đại học, được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ. Trong 20 năm giảng dạy và công tác tại Trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội, tôi luôn gắn bó với giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho ngành kiến trúc, qui hoạch, xây dựng... tôi luôn có phẩm chất chính trị - đạo đức trong sáng, tư tưởng kiên định, luôn gắn bó và tin tưởng vào sự nghiệp mình đã lựa chọn. Với sự nỗ lực của bản thân, tôi đã đạt được nhiều khen thưởng của cấp trên và Nhà trường trong nhiều năm liên tục.

Tôi không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chính trị, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nêu gương tốt cho người học; Tôi đã tốt nghiệp Tiến sỹ, có bằng cử nhân Anh – Trung, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ giảng viên chính, được công nhận là giảng viên chính. Tích cực tham gia rất nhiều khóa học trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn hướng tới sự liên kết đa ngành. Tôi đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; Lý lịch bản thân rõ ràng, gia đình tri thức và đa số thành viên trong gia đình tôi là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Tôi không làm những việc giảng viên không được làm.

Thường xuyên tham gia công tác tuyển sinh các hệ đào tạo của Trường, tôi tuyệt đối giữ sự trung thực trong tuyển sinh, thi cử. Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học. Trong giảng dạy đại học và sau đại học, tôi đánh giá công bằng, đúng kết quả học tập, rèn luyện của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; Không xuyên tạc nội dung giáo dục, đào tạo, không ép buộc học sinh học thêm để thu tiền. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ nhà trường;

1	Vũ Tuấn Anh		✓	✓		2015-2017	ĐH Kiến trúc Hà Nội	2017
2	Đặng Thế Anh		✓	✓		2015-2017	ĐH Kiến trúc Hà Nội	2017
3	Lê Kim Hoà		✓	✓		2015-2017	ĐH Kiến trúc Hà Nội	2017
4	Phạm Duy Hiền		✓	✓		2016-2018	ĐH Kiến trúc Hà Nội	2018
5	Nguyễn Tiên Lâm		✓	✓		2016-2018	ĐH Kiến trúc Hà Nội	2018
6	Nguyễn Đức Hải		✓	✓		2017-2019	ĐH Kiến trúc Hà Nội	2019
7	Phạm Quang Hùng		✓	✓		2017-2019	ĐH Kiến trúc Hà Nội	2019
8	Lộc Mậu Tiên		✓	✓		2017-2019	ĐH Kiến trúc Hà Nội	2019
9	Trần Mạnh Tuấn		✓	✓		2017-2019	ĐH Kiến trúc Hà Nội	2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ Tiến sỹ						
1	Trắc địa	Giáo trình	Nhà Xuất Bản Xây Dựng, VN, 2008	04	Đồng tác giả	Sách được in theo đề nghị của nhà trường
Sau khi bảo vệ Tiến sỹ						
1.	Hệ thống thông tin địa lý trong quản lý đô thị	Giáo trình	Nhà Xuất Bản Xây Dựng, VN Nam, 2017	01	Viết một mình	Sách được in theo đề nghị của nhà trường
2.	Bản đồ và hệ thống thông tin địa lý	Chuyên khảo	Nhà Xuất Bản Xây Dựng, VN, 2019	01	Viết một mình	Sách được in theo đề nghị của nhà trường

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu
1	Xây dựng đề cương chi tiết các học	CN	06/HĐ-	01 năm	02/02/2015

	phần trong chương trình đào tạo hệ chính quy		ĐHKT-KH.QT		
2	Quy chuẩn hóa dữ liệu địa hình 03 Thành phố Thái Nguyên, Nam Định, Hải Dương phục vụ công tác hướng dẫn đồ án tốt nghiệp ngành Kỹ thuật Hạ tầng	CN	17/HĐ-ĐHKT-KHCN	01 năm	01/06/2016
3	Tài liệu giảng dạy Trắc địa	CN	115/HĐ-ĐHKT-KHCN	01 năm	05/05/2017
4	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tổ chức và quản lý đào tạo trong học kỳ phụ tại Trường Đại học kiến trúc Hà Nội	CN	293/HĐ-ĐHKT-KHCN	01 năm	31/05/2018
5	Tài liệu giảng dạy: Bản đồ và hệ thống thông tin địa lý	CN	294/HĐ-ĐHKT-KHCN	01/08/2017	24/05/2019

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập /số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ TS								
1	Sử dụng phương pháp hình học không gian để tính khoảng cách giữa hai điểm (trạm đo) trên mặt đất	01	Tạp chí Xây dựng, Bộ xây dựng		ISSN 0886-0762	1	18-20	2009
2	Feature extraction for metric characterization of residential urban form of Ha Noi city,	03	31 st Asian Conference on Remote Sensing 2010 (ACRS 2010)		ISBN 978-1-61782-397-8		1194-1200	2010
3	Kết hợp viễn thám và Fragstat đo đặc các chỉ số đô thị tại Quận Cầu Giấy	03	Tạp chí Xây Dựng, Bộ Xây Dựng		ISSN 0886-0762	12	58-61	2011
4	Phân loại định hướng đối tượng ảnh vệ tinh phục vụ nghiên cứu đô thị,	02	Tạp chí khoa học kiến trúc và xây dựng – ĐH Kiến trúc HN		ISSN 1859-350X		54-56.	2011
5	Combination Remote Sensing and	01	Land cover and	NASA-				2011

	Spatial Metrics to Study Urban Growth in Long Bien District - Hanoi - Vietnam,		land use change program (LCLUC) - NASA program. http://lcluc.umd.edu/documents.php	LCLU C				
6	Sử dụng viễn thám và các chỉ số không gian phục vụ nghiên cứu một số đặc điểm đô thị hóa tại huyện Từ Liêm - Hà Nội	01	Tạp chí khoa học kiến trúc và xây dựng – ĐH Kiến trúc HN		ISSN 1859-350X	12	64-68	2013
7	Land Use Change Detection and Landscape Metric Measuring Applied to Urban Growth and Arable Land Conversion Analysis in Peri-urban of Hanoi,	05	International Symposium on GIS and Advanced Technologies 2014 (GISATS 2014)				29-38	2014
Sau khi bảo vệ Tiến sỹ								
8	Phân loại lớp phủ mặt đất năm 2012 khu vực Hà Nội bằng phương pháp phân loại định hướng đối tượng từ ảnh vệ tinh SPOT,	03	GIS toàn quốc 2015 Nhà xuất bản xây dựng		ISBN 978-604-82-1619-1		443-448	2015
9	Chuẩn hóa dữ liệu đầu vào nhằm nâng cao chất lượng đồ án tốt nghiệp sinh viên ngành Kỹ thuật Hạ tầng,	02	Tạp chí khoa học kiến trúc và xây dựng – ĐH Kiến trúc HN		ISSN 1859-350X	23	82-85	2016
10	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý trong quy hoạch diêm du lịch huyện Ba Vì thành phố Hà Nội,	02	Tạp chí khoa học kiến trúc và xây dựng – ĐH Kiến trúc HN		ISSN 1859-350X	28	133-136	2017
11	Toward a sustainable city of tomorrow: a hybrid Markov-Cellular Automata modeling for urban landscape evolution in the Hanoi city (Vietnam) during 1990-2030.	09	Journal of Environment, Development and Sustainability (DOI 10.1007/s10668-017-0046-2) CrossMark; Springer	ISI	DOI 10.1007/s10668-017-0046-2			2017
12	Using GIS and remote sensing techniques to research urban growth and land use change in Ha Noi city,	01	Tạp chí Xây dựng, Bộ xây dựng		ISSN 0866-8762	12	33-35	2017
13	Application of GIS in managing urban water supply and drainage systems: case study of Phu Ly city,.	01	Vaset Journal of structural engineering and construction technology.		ISSN 1859.3194		114-118	2017

14	Geographic Information Systems – The solutions to manage spaces landscape architecture	01	Science Journal of Architecture and Construction		ISSN 1859-350X	30	15-18	2018
15	Application of Geographic information systems (GIS) in smart cities,	01	International Conference: “Strategies of smart city and transportation infrastructure for urban management and sustainable regional development: in response to future trend and climate change” Construction publishing house		ISBN 978-604-82-2696-1		95-106	2018
16	Using GIS and remote sensing techniques to research urban growth in Ha Noi city,	01	Workshop “ emergent forms of urban densification in asia”, Ha Noi, Viet Nam,				121-134	2018
17	Research the effect of administrative boundary changes on urban growth using remote sensing and GIS	01	Tạp chí Xây dựng, Bộ xây dựng		ISSN 0866-8762	5	255-260	2019
18	Ứng dụng viễn thám GIS và các chỉ số không gian nghiên cứu ảnh hưởng của hệ thống giao thông đến quá trình đô thị hóa tại Hà Nội.	01	Kỷ yếu Hội thảo Đô thị hóa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam xu hướng đổi mới và điều kiện phát triển Nhà xuất bản Lao động xã hội		ISBN 978-604-65-3962-9		318 - 326	2019
19	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tổ chức và quản lý đào tạo trong học kỳ phụ tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội,	01	Tạp chí khoa học kiến trúc và xây dựng – ĐH Kiến trúc HN		ISSN 1859-350X	33	88-91	2019
20	Sử dụng dữ liệu Lidar và GIS thành lập bản đồ độ dốc phục vụ quy hoạch xây dựng khu công nghiệp	01	Tạp chí khoa học kiến trúc và xây dựng – ĐH Kiến trúc HN		ISSN 1859-350X	34	1317	2019

21	Tích hợp công nghệ Lidar hàng không và Lidar mặt đất thành lập mô hình 3D trong quản lý đô thị thông minh	01	Tạp chí Môi Trường					
22	Tích hợp công nghệ BIM và GIS – định hướng phát triển đô thị thông minh	01	Tạp chí Xây dựng, Bộ xây dựng		ISSN 0866-8762	7	59-63	2019
23	Đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại thị trấn Thổ Tang – Vĩnh phúc	01	Xây dựng và đô thị		ISSN 1859-3119	65	82-85	2019
24	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý kiến trúc cảnh quan thành phố Bắc Giang	01	Chuyển sang tạp chí xây dựng					
25	Sử dụng Viễn thám, GIS và các chỉ số không gian nghiên cứu ảnh hưởng của khoảng cách đến trung tâm đến quá trình đô thị hóa	01	Tạp chí Kiến trúc			05	63-68	2019

Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS:

- Bài số 11: Toward a sustainable city of tomorrow: a hybrid Markov–Cellular Automata modeling for urban landscape evolution in the Hanoi city (Vietnam) during 1990–2030. Journal of Environment, Development and Sustainability (DOI 10.1007/s10668-017-0046-2), 2017.
- Bài số 15: Application of Geographic information systems (GIS) in smart cities, International Conference: “Strategies of smart city and transportation infrastructure for urban management and sustainable regional development: in response to future trend and climate change”, Construction publishing house, ISBN 978-604-82-2696-1, 2018.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1				
...				

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
...				

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Chủ trì đề tài cấp cơ sở: Quy chuẩn hóa dữ liệu địa hình 03 Thành phố Thái Nguyên, Nam Định, Hải Dương phục vụ công tác hướng dẫn đồ án tốt nghiệp ngành Kỹ thuật Hạ tầng, năm 2016; Xây dựng đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo hệ chính quy, năm 2015; Một số giải

pháp nâng cao hiệu quả công tác tổ chức và quản lý đào tạo trong học kỳ phụ tại Trường Đại học kiến trúc Hà Nội, năm 2018

- Chủ trì viết đề cương chi tiết và nội dung các học phần trong chương trình đào tạo 05 ngành thuộc Trường đại học Kiến trúc Hà Nội: Trắc địa, Trắc địa công trình ngầm, Trắc địa giao thông, Thực tập trắc địa, Bản đồ và Hệ thống thông tin địa lý (GIS) cho các ngành: Kiến trúc, Quy Hoạch, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kỹ thuật Môi trường đô thị, Kỹ thuật Hạ tầng đô thị, Quản lý đô thị.

- Tham gia xây dựng thẩm định rà soát chương trình đào tạo ngành: Kỹ thuật cấp thoát nước, Kỹ thuật Môi trường đô thị, Kỹ thuật Hạ tầng đô thị.

- Tham gia thực hiện nhiệm vụ xây dựng đề án chất lượng cao trình độ đại học

- Tham gia vào Ban thư ký và nhóm chuyên trách Tự đánh giá Trường theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

- Báo cáo giới thiệu các chương trình đào tạo và định hướng phát triển đào tạo của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tại Hội thảo “From TORUS to MONTUS: we learned from each other – IT & Geoscience, Geoscience & IT – and now we open a master” tại Pháp.

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo hệ sau đại học chuyên ngành “Master Of New Technologies Using Services”, dự án giữa Trường Đại học Kiến trúc và Đại học Toulouse Pháp.

- Tham gia xây dựng quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy các năm 2015 – 2019; quy chế tuyển sinh năng khiếu của Trường các năm 2015-2019; quy chế quản lý văn bằng chứng chỉ của Trường

- Tham gia xây dựng đề án đăng ký mã ngành đào tạo hệ chính quy trình độ đại học cho ngành Bất động sản tại Trường. Tham gia Hội đồng thẩm định nhận xét đề cương các học phần thuộc các chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của Trường; mở mã ngành mới cho nhà trường: các mã ngành cấp 4: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Công nghệ thông tin; Thiết kế thời trang; Điêu khắc

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:

- Giờ chuẩn giảng dạy:

- Công trình khoa học đã công bố:

- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

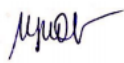
- Hướng dẫn NCS,ThS:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2019

Người đăng ký


Lê Thị Minh Phương

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Xác nhận những nội dung thông tin cá nhân ứng viên đã kê khai: ứng viên Lê Thị Minh Phương là Tiến sỹ, giảng viên chính, Trưởng Bộ môn Trắc địa thuộc Khoa Kỹ thuật Hạ tầng và Môi trường Đô thị, Phó trưởng phòng Đào tạo của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. Những nội dung thông tin cá nhân do ứng viên kê khai đúng với hồ sơ do Nhà trường quản lý.
- Giảng viên chính Lê Thị Minh Phương luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy và quản lý do Nhà trường giao.
- Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



HIỆU TRƯỞNG
TS.KTS. *Lê Quân*